TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-PT
Ngày: 24 - 01 - 2024
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt"."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:	Ông Đinh Phước Hoà
Các Thẩm phán:	Ông Nguyễn Văn Tiến
	Ông Vũ Thanh Liêm

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 256/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 571/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1951; Địa chỉ: Tổ B, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Thanh M, sinh năm 1944; Địa chỉ: Tổ B, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Ngô Thanh T, Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; Địa chỉ: Số E C, Khu dân cư B, thành phố T, Quảng Nam. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q; Trụ sở tại: Số A H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Do ông Trần Văn C - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đ đại diện theo Giấy ủy quyền số 1895/GUQ-STNMT ngày 08/8/2023. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam; Trụ sở tại: B T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Do ông Trương Công H1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đại diện theo Văn bản số 1110/UBND-VP ngày 14/6/2023. Vắng mặt

3. Bà Vũ Thị P, sinh năm 1981. Có mặt.

4. Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1980.

5. Ông Vũ Lê N, sinh năm 1977.

6. Ông Vũ Lê T2, sinh năm 1989.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: T1, N, T2: Bà Vũ Thị P, sinh năm 1981. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ B, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

7. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1947;

8. Ông Hồ Thanh V, sinh năm 1974;

9. Bà Hồ Thị H2, sinh năm 1976;

10. Ông Hồ Thanh B, sinh năm 1978;

11. Bà Hồ Thị Thu T4, sinh năm 1981;

12. Ông Hồ Thanh T5, sinh năm 1989. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: Thi, V, H2, B, T4, T5: Ông Hồ Thanh M, sinh năm 1944. Có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ B, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- ***Người kháng cáo:*** nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Hồ Thanh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H **trình bày:**

Ngày 17/7/1995 gia đình bà được UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất trong đó có thửa 438, tờ bản đồ số 12, diện tích 504m^2 loại đất lúa. Ngày 13/7/2016 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi thành thửa 280, tờ bản đồ số 20, diện tích là 553,7m^2 tại thôn B xã B, huyện T. Thời gian bà sản xuất thửa đất từ năm 1993 đến năm 1997 thì có điều tiết chia đất dự phòng giao thửa đất này cho ông Hồ Thanh M cùng thôn sản xuất. Bà H khởi kiện yêu cầu ông M trả lại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 12, diện tích 504m^2 cho gia đình bà.

Bị đơn ông Hồ Thanh M **trình bày:** Thửa đất số 438, tờ bản đồ số 12, diện tích 504m^2 mà bà H yêu cầu ông trả là của ông. Từ năm 1992 ông bốc xăm trúng thửa đất số 438 và canh tác thửa đất từ 1993 đến khi tranh chấp. Năm 2018 bà H nói là có Giấy CNQSD đất tại thửa đất số 438 ông canh tác và yêu cầu ông trả đất. Bà H cho rằng bà được cấp Giấy CNQSD đất, nhưng không biết là thửa nào và không sản xuất trên thửa đất đó, trong khi gia đình ông sử dụng từ trước đến nay và làm nghĩa vụ thuế. Vì vậy bà H đòi lại thửa đất số 438 ông M không đồng ý. Ngoài ra, do UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất thửa đất số 438 cho bà H, trong khi ông là người sử dụng canh tác từ năm 1993 đến nay. Nên ông yêu cầu huỷ một phần Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ 12, diện tích 504m^2 đã được UBND huyện T cấp ngày 17/7/1995 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy CNQSD đất đối với thửa đất nói trên thành thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 553,7m^2 vào ngày 13/7/2016 cho hộ bà Lê Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P **trình bày**: đối với thửa đất mẹ bà khởi kiện là đất của gia đình bà sử dụng từ năm 1993 đến năm 1997. Thời gian sau này mới phát hiện ông M đang sử dụng thửa đất số 438, tờ bản đồ 12 của gia đình bà, do Đội trưởng ông Võ C1 đã lấy thửa đất giao cho ông M sử dụng. Nay bà thống nhất với ý kiến mẹ bà yêu cầu ông M trả lại thửa đất số 438, tờ bản đồ 12, nay được cấp đổi mới là thửa số 280, tờ bản đồ 20.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh V **và ông** Hồ Thanh T5**:** đều thống nhất với lời trình bày của bị đơn ông Hồ Thanh M, ngoài ra không bổ sung ý kiến gì thêm.

Tại Công văn số 1896/STNMT-VPĐĐ ngày 08/8/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q **trình bày:**

Về nguồn gốc sử dụng đất và quá trình biến động thửa đất Hộ ông Võ Tấn K (ông Võ Tấn K chết ngày 09/11/2009) sử dụng đất được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận số E 87444T ngày 17/7/1995 đối với 15 thửa đất, với tổng diện tích 7.019m^2, trong đó có thửa đất số 438, tờ bản đồ số 12, diện tích 504m^2, mục đích sử dụng đất: Đất 1 Lúa (Theo Cơ sở dữ liệu là thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 553,7m^2), địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q nhận thấy việc cấp đổi Giấy chứng nhận số CC 810514 ngày 13/7/2016 cho hộ bà Lê Thị H là đúng quy định pháp luật.

Tại Công văn số 253/UBND-TNMT ngày 21/02/2023 (BL 104) UBND huyện T **trình bày:**

Ngày 17/7/1995 UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ số 12, diện tích 504m^2, mục đích sử dụng: Đất 1 lúa cho hộ bà Lê Thị H. Địa chỉ thửa đất tại B, xã B, huyện T.

Thực hiện dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai xã B. Ngày 13/7/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy CNQSD đất đối với thửa đất nói trên thành thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20,

diện tích là 553,7m^2; mục đích sử dụng: Đất trồng lúa nước còn lại cho hộ bà Lê Thị H. Địa chỉ thửa đất tại B, xã B, huyện T.

Theo báo cáo 169/BC-UBND ngày 17/11/2022 của UBND xã B về việc xác nhận nguồn gốc thửa đất 438, tờ bản đồ số 12, tại thôn B, xã B là do hộ ông Hồ Thanh M sử dụng ổn định từ năm 1993 đến nay.

Như vậy, thửa đất số 438, tờ bản đồ số 12, diện tích 504m²; mục đích sử dụng: đất 1 lúa, người được cấp Giấy CNQSD đất so với người thực tế đang sử dụng thửa đất là không đúng. Nguyên nhân là do sai sót trong quá trình xác định đối tượng tại thời diểm cấp Giấy CNQSD đất không đúng hiện trạng thực tế về người sử dụng. Khi thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy CNQSD đất theo dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai xã B đã không phát hiện sai sót tiếp tục được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy CNQSD đất đối với thửa đất nói trên thành thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 553,7m²; mục đích sử dụng: đất trồng lúa nước còn lại cho hộ bà Lê Thị H vào ngày 13/7/2016, địa chỉ thửa đất tại B, xã B, huyện T là không đúng đối tượng sử dụng đất.

Căn cứ tại Điểm d, Khoản 2. Điều 106, Luật đất đai 2013 quy định: Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau: Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Do đó, ông Hồ Thanh M yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi ngày 13/7/2016, đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 553,7 m^2 mục đích sử dụng: Đất trồng lúa nước còn lại cho hộ bà Lê Thị H, địa chỉ thửa đất tại B, xã B, huyện T là có cơ sở.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/6/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, các đương sự thống nhất: thửa đất tranh chấp là thửa đất số 438, tờ bản đồ 12, diện tích 504m^2 đã được UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Võ Tấn K ngày 17/7/1995 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy CNQSD đất đối với thửa đất nói trên thành thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 553,7m^2 cho hộ bà Lê Thị H ngày 13/7/2016. Trên phần diện tích 553,7m^2 đất tranh chấp các đương sự đều khai là không có tài sản gì của ai và các đương sự không yêu cầu xem xét định giá và đo vẽ lại. Các đương sự thống nhất với sơ đồ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q lập khi cấp đổi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 25/8/2023, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

"*Căn cứ vào các điều 26, 34, 37, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 21 Luật đất đai năm 1993; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Điều 48 của Nghị quyết*

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà* Lê Thị H *về việc: Buộc ông* Hồ Thanh M *phải trả lại thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 553,7m^2 tại* thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam *(có sơ đồ bản vẽ và tọa độ kèm theo) cho gia đình bà* Lê Thị H.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Hồ Thanh M *về việc: Hủy một phần Giấy CNQSD đất do* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q *cấp thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 553,7m^2 cho hộ bà* Lê Thị H *ngày 13/7/2016 (có sơ đồ bản vẽ và tọa độ kèm theo).*

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q *xử lý: việc cấp Giấy CNQSD đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 553,7m^2 tại* thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam *cho hộ bà* Lê Thị H *ngày 13/7/2016 theo đúng quy định pháp luật.*"

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 05/9/2023, bà Lê Thị H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 11/9/2023, ông Hồ Thanh M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Lê Thị H, ông Hồ Thanh M giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư Ngô Thanh T có ý kiến: Ông Hồ Thanh M đã sử dụng thửa đất tranh chấp từ năm 1992 cho đến nay, Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị H là không đúng đối tượng. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng vẫn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Thanh M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H là có căn cứ. Mặc dù không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho bà Lê Thị H là giải quyết vụ án không toàn diện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H và chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Thanh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần 2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị H.

Thửa đất tranh chấp là thửa đất số 438, tờ bản đồ số 12, diện tích 504m^2 nay là thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 553,7m^2 tọa lạc tại thôn T, xã B, huyện T, trên thực tế hộ ông Hồ Thanh M đang canh tác, sử dụng từ trước năm 2020, trong khi đó Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Tấn K (chồng của bà Lê Thị H) vào ngày 17/7/1995 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi cho hộ bà Lê Thị H ngày 13/7/2016.

Theo "*Biên bản hòa giải*" ngày 26/3/2020, do Ủy ban nhân dân B thực hiện thì bà H thừa nhận "*Hộ tôi làm từ năm 1993 được 8 năm thì* T6 *lấy lại chia cho ông* M *sản xuất, bản thân tôi không biết có bìa đỏ, sau này đo đạc đổi giấy lại tôi mới biết diện tích đó cấp giấy cho tôi nên tôi yêu cầu ông* M *trả, nhưng ông* M *không trả lại*".

Tại "*Biên bản lấy lời khai*" ngày 11/3/2022, bà Lê Thị H cho biết thửa đất đang tranh chấp là do gia đình bốc xăm từ năm 1992, 1993, đến năm 1997 thì T6 (Đội) nói là ruộng hoang nên lấy thửa đất này và chia lại cho ông M, gia đình bà H cũng được chia thửa đất khác có diện tích 175m^2. (BL 95)

Vì vậy, theo bà H thì vào năm 1997, gia đình bà bị ông Võ C1 lấy thửa đất đang tranh chấp để giao cho ông Hồ Thanh M và bà cũng được giao thửa đất khác có diện tích 175m^2, bà H đã đồng ý giao đất, không có ý kiến phản đối và thực tế là hộ bà H cũng không sử dụng thửa đất 553,7m^2 từ đó cho đến nay.

Tại "*Báo cáo*" số 169/BC-UBND ngày 17/11/2022, Ủy ban nhân dân xã B báo cáo liên quan đến thửa đất số 438, tờ bản đồ số 12 như sau: "*Khi thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo cơ sở dữ liệu tại* xã B *thì hộ ông* Hồ Thanh M *đi kê khai đăng ký đề nghị cấp giấy*" (BL 102)

Theo Văn bản số 253/UBND-TNMT ngày 21/02/2023, Ủy ban nhân dân huyện T cho biết "*Như vậy, thửa đất số 438, tờ bản đồ số 1, diện tích 504m^2; mục đích sử dụng: Đất 1 lúa, người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với thực tế đang sử dụng thửa đất là không đúng. Nguyên nhân là do sai sót trong quá trình xác định đối tượng tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng hiện trạng thực tế về người sử dụng. Khi thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai* xã B *đã không phát hiện sai sót tiếp*

tục được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q *cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên thành thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 553,7m^2; mục đích sử dụng: Đất trồng lúa nước còn lại cho hộ bà* Lê Thị H *vào ngày 13/7/2016, địa chỉ thửa đất tại* B, xã B, huyện T *là không đúng đối tượng sử dụng đất*" (BL 104).

Như vậy, mặc dù hộ bà Lê Thị H được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hộ bà Lê Thì H3 không sử dụng đất, trong khi đó hộ ông Hồ Thanh M đã thực tế canh tác, sử dụng từ năm 1993 (theo trình bày của ông M) hoặc 1997 (theo trình bày của bà H3) cho đến nay và Ủy ban nhân dân xã B, Ủy ban nhân dân huyện T thừa nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị H là sai sót. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Hồ Thanh M:

Theo Ủy ban nhân dân xã B và Ủy ban nhân dân huyện T đều thừa nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị H là không đúng đối tượng sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm cũng quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H nhưng lại không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hồ Thanh M đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Lê Thị H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 13/7/2016 là không đúng. Do đó, có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Hồ Thanh M.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Lê Thị H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm vì thuộc trường hợp là người cao tuổi. Ông Hồ Thanh M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hồ Thanh M nên ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hồ Thanh M nên không cần thiết phải sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm đối với ông M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H.

Chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Thanh M. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phần yêu cầu phản tố của ông Hồ Thanh M.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc buộc ông Hồ Thanh M phải trả lại thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 553,7m^2 tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cho bà Lê Thị H.

2. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Hồ Thanh M, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 810514, số vào sổ CS01056 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ bà Lê Thị H đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 553,7m^2 tại thôn B, xã B, huyện T.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị H không phải chịu án dân sự phúc thẩm vì thuộc trường hợp người cao tuổi.

Ông Hồ Thanh M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận.

4. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Phước Hòa